

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11-4-2018

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Huỳnh Hương.**

Ông Trần Quốc

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Thị Trúc L, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Lê Văn K, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2017 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:* Vào năm 2008 chị L và anh K tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (tại giấy chứng nhận kết

hôn số 23 – quyền số 01/2008). Thời kỳ chung sống giữa chị L và anh K không có con chung..

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh K ăn chơi bê tha, không quan tâm đến chị L, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh K. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đồng thời chị L có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị L.

- Lời trình bày của bị đơn tại đơn xin vắng mặt ngày 10/12/2017, thể hiện:
Anh K xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay anh K đồng ý ly hôn với chị L. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đồng thời anh K có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh K.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 **Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc “Ly hôn”, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 **Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

[3] *Xét về thủ tục:* Chị L và anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ **Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**, tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh K.

[4] *Xét về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị L và anh K không làm được điều đó, mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hơn nữa chị L và anh K cương quyết ly hôn với nhau, do đó xác định chị L và anh K đã vi phạm nghiêm trọng quyền và

nghĩa vụ của vợ chồng, nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa chị L và anh K **là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;**

[5] *Xét về con chung*: Không có.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Chị L và anh K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Xét về án phí*: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Thị Chúc L và Lê Văn K.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị L phải nộp 300.000 đồng, chị L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007778 ngày 29/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- **UBND xã T;**
- Đường sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung